**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CẨM KHÊ**
**TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15/5/2025.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Đinh Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Bùi Đức San và bà Nguyễn Thị Thuý Hoà.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ L, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

*(Chị L, anh H đều có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1, Tại đơn khởi kiện ngày 05/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Mỹ L trình bày*: Chị và anh Nguyễn Ngọc H tự nguyện kết hôn ngày 31/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chị cùng nhau đi làm ăn ở Lào Cai, đến năm 2021 thì chị về ở nhà bố mẹ anh H, sống chung với bố mẹ anh H tại khu V, thị trấn C. Còn anh H vẫn làm ở Lào Cai (anh H làm xây dựng còn chị làm kế toán). Khi sống chung với bố mẹ anh H thì xảy

ra mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ anh H nên chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở khoảng 8 tháng thì chị quay lại nhà bố mẹ anh H ở. Đến cuối năm 2022 anh H về chung sống cùng chị tại nhà bố mẹ anh H. Quá trình chung vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Đến tháng 6/2024 vợ chồng chị mâu thuẫn nên chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó đến nay chị không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia V, sinh ngày 17/10/2015. Cháu V hiện đang ở cùng chị tại nhà bố mẹ đẻ chị, được chị trực tiếp chăm sóc, ngoài ra chị còn được bố mẹ chị giúp đỡ trong việc chăm sóc cháu V nên cháu V được ăn học đầy đủ. Bố mẹ chị có nhà cửa đất đai đảm bảo chỗ ở cho mẹ con chị. Hiện nay chị làm kế toán, có thu nhập khoảng 23.000.000đ/1 tháng. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

*2, Phía bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày:* Anh và chị L tự nguyện kết hôn ngày 31/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng nhau đi làm ăn ở Lào Cai, đến năm 2021 thì chị L về sống chung với bố mẹ anh tại khu V, thị trấn C. Còn anh vẫn làm ở Lào Cai (anh làm xây dựng còn chị L làm kế toán). Khi chị L sống chung với bố mẹ anh thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị L và bố mẹ anh nên chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở khoảng 8 tháng thì chị L lại quay lại nhà bố mẹ anh ở. Đến cuối năm 2022 anh về chung sống cùng chị L tại nhà bố mẹ anh. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2024 thì vợ chồng anh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống hàng ngày về ý ăn ý ở và không bảo ban được nhau. Chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở từ tháng 6/2024, từ đó đến nay không quay lại chung sống cùng anh nữa. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Nguyễn Gia V, sinh ngày 17/10/2015. Từ khi chị L về nhà bố mẹ chị L ở thì chị L đưa cháu V về ở cùng chị L, tuy nhiên anh vẫn đi lại thăm nom và đón cháu V về nhà anh chơi. Cháu V được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, được ăn học đầy đủ. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V. Hiện nay anh làm lao động tự do (làm xây

dựng), có thu nhập khoảng 15.000.000đ/1 tháng, anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết.

*3, Nguyện vọng của cháu Nguyễn Gia V:* Cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị L.

*4, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 16/4/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị L và anh Hải đăng K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại UBND xã S (nay là UBND thị trấn C), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị cùng nhau đi làm ăn ở Lào Cai. Đến năm 2021 chị L về ở cùng bố mẹ anh H thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị L và bố mẹ anh H nên chị L đã đưa con về nhà bố mẹ chị L ở khoảng 8 tháng thì chị L lại quay lại ở cùng bố mẹ anh H. Đến cuối năm 2022 anh H về chung sống cùng chị L tại nhà bố mẹ anh H. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được đến tháng 6/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn chị L đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở từ đó đến nay, không quay lại chung sống cùng anh H nữa, anh chị không ai còn quan tâm đến ai. Chị L và anh H có 01 con chung là Nguyễn Gia V, sinh ngày 17/10/2015. Trong thời gian anh H đi làm ở Lào Cai thì cháu V ở cùng chị L, được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ tháng 6/2024 đến nay chị L chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ chị L thì cháu V ở cùng chị L từ đó đến nay, được chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, nên cháu V được ăn học và phát triển tốt. Ở địa phương chị L làm kế toán tại Công ty TNHH S1 còn anh H làm lao động tự do. Khi anh chị ly hôn, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Gia V, sinh ngày 17/10/2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh H đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Mỹ L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh H có hộ khẩu thường trú tại khu V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị L và anh H là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã S (nay là thị trấn C) huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt. Chị L và anh H đều xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chị cùng nhau đi làm ăn ở Lào Cai, đến năm 2021 thì chị L về ở nhà bố mẹ anh H tại thị trấn C. Còn anh H vẫn làm ở Lào Cai. Khi sống chung với bố mẹ anh H thì xảy ra mâu thuẫn giữa chị L và bố mẹ anh H nên chị L đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở khoảng 8 tháng thì chị L lại quay lại nhà bố mẹ anh H ở. Đến cuối năm 2022 thì anh H về chung sống cùng chị L tại nhà bố mẹ anh H. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Đến tháng 6/2024 thì vợ chồng lại mâu thuẫn nên chị L đã

đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị L ở, từ đó đến nay chị L không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Linh và anh H là mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc. Chị L xin ly hôn, anh H nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh H là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia V, sinh ngày 17/10/2015. Khi ly hôn cả chị L và anh H đều đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng việc giao con cho ai phải căn cứ vào tình cảm, điều kiện để nuôi dạy con cái trưởng thành. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị L tại nhà bố mẹ đẻ chị L, chị L làm kế toán tại Công ty TNHH S1, có thu nhập khoảng 23.000.000đ/1 tháng. Nguyện vọng của cháu V xin được ở với chị L. Ngoài ra nếu được quyền nuôi con thì chị L còn được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc con chung. Bố mẹ chị L có nhà cửa, đất đai đảm bảo chỗ ở cho mẹ con chị L. Vì vậy, để đảm bảo chỗ ăn ở, học tập ổn định cần giao cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị L tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L, anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Mỹ L và anh Nguyễn Ngọc H.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Gia V, sinh ngày 17/10/2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L do chị L tự nguyện không yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L, anh H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Trần Mỹ L phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005105 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị L 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Ngọc H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương có mặt được quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn C;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đinh Thị Thu Huyền**